

**SỞ Y TẾ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ
VIỆT NAM - CU BA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 540/VNCB-KD
V/v. mời chào giá thuốc cung ứng
tại Nhà thuốc Bệnh viện

Hà Nội, ngày 4 tháng 8 năm 2026

Kính gửi: Quý Công ty

Trước tiên, Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba chân thành cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty trong thời gian vừa qua.

Bệnh viện đang có nhu cầu lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc theo hình thức dịch vụ cho Nhà thuốc Bệnh viện. Trân trọng kính mời Quý công ty, gửi Báo giá các mặt hàng mà quý đơn vị có khả năng cung cấp cho Bệnh viện (theo phụ lục chi tiết đính kèm).

Đề nghị đơn vị điền đầy đủ thông tin, cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan tới sản phẩm, và gửi Biểu giá cho chúng tôi tại địa chỉ sau:

* Thư báo giá về địa chỉ: Khoa Dược- Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba:
địa chỉ số 37 Hai Bà Trưng – Quận Hoàn Kiếm – Hà Nội

Số ĐT: 02438265332

* Báo giá file mềm gửi email: lethuyduong20012002@gmail.com

Thư báo giá có đóng dấu của đơn vị, bỏ vào phong bì dán kín, đóng dấu niêm phong.

Hạn nhận báo giá: 17 giờ 00 phút ngày 10/8/2026

Lưu ý: Công ty cung cấp đầy đủ thông tin theo mẫu báo giá của bệnh viện và phải đảm bảo tính chính xác của các tài liệu cung cấp cho bệnh viện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KD (Ds.Hằng)/.

GIÁM ĐỐC



Cao Đức Chinh

Phụ lục: DANH MỤC THUỐC CUNG CẤP THUỐC CHO NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT NAM - CU BA NĂM 2026

(Kèm theo công văn số: 540/VNCB- KD ngày 4 tháng 8 năm 2026 của Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba)

STT	STT TT20	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	GĐKLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Hạn dùng (Tuổi thọ)	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Nhóm thuốc	Số lượng
NHÓM THUỐC ĐIỀU TRỊ KÝ SINH TRÙNG, CHỐNG NHIỄM KHUẨN														
1	169	Taromentin 457mg/5ml	Amoxicillin + Acid clavulanic	(80mg/ml, 11,4mg/ml); 70ml	VN-22547-20	Uống	Bột pha hỗn dịch uống		Tarchomin Pharmaceutical Works "Polfa" S.A.	Ba Lan	Hộp 1 chai 12,6g bột tương đương 70ml hỗn dịch	Chai	Nhóm 1	500
2	169	Taromentin 457mg/5ml	Amoxicillin + Acid clavulanic	80 mg/ml; 11,4 mg/ml Chai 140ml	VN-22547-20	uống	bột pha hỗn dịch		Tarchomin Pharmaceutical Works "Polfa" S.A.	- Ba Lan	Hộp 1 chai 140 ml	chai	Nhóm 1	600
3	183	Novafex	Cefixime	100ng/5ml	VN-19581-13	đường uống	Cốm pha hỗn dịch uống		Mekophar	Việt Nam	Hộp 1 chai	Chai	Nhóm 3	2.500
4	181	Zebacef 125mg/5ml	Cefdinir	125mg/5ml x 100ml	868110073423 (VN-19835-16)	Uống	Thuốc bột pha hỗn dịch uống		Pharmavision San ve Tic. A.S.	Thổ Nhĩ Kỳ	Hộp 1 lọ 100ml	Lọ	Nhóm 2	600
5	245	Biseptol 480	Sulfamethoxazole + Trimethoprim	400mg + 80mg	VN-23059-22	Uống	Viên nén		Adamed Pharma S.A.	Ba Lan	Hộp 1 vỉ x 20 viên	Viên	Nhóm 1	5.000
6	317	Metronidazol	Metronidazol	250mg	893115309724	uống	Viên nén		CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	Việt Nam	Hộp 10 Vỉ x 10 Viên	viên	Nhóm 4	500
7	882	Dorithricin	Tyrothricin; Benzalkonium chloride; Benzocaine	0,5mg; 1,0mg; 1,5mg	400100014224 (VN-20293-17)	Ngâm họng	Viên ngậm họng		Medice Arzneimittel Pütter GmbH & Co. KG	Đức	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Viên	Nhóm 1	30.000
8	261	Mepoly	Neomycin; Polymyxin B; Dexamethason	35mg; 100.000IU; 10mg/10ml	893110420024 (VD-21973-14)	Nhỏ mắt, mũi, tai	Dung dịch nhỏ mắt, mũi, tai		Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Hộp 1 lọ 10ml	Lọ	Nhóm 4	2.000
THUỐC TÁC DỤNG TRÊN ĐƯỜNG HÔ HẤP														

H / M / S / N / T / L

STT	STT TT20	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	GDCLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Hạn dùng (Tuổi thọ)	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Nhóm thuốc	Số lượng
9	70	Atussin	Dextromethorphan HBr + Clorpheniramine Maleat + Trisodium citrat dihydrat + Ammonium chlorid + Glyceryl Guaiacolat	5mg + 1,33mg + 133mg + 50mg + 50mg/5ml-60ml	893110641124 (VD-24046-15)	Uống	Si rô		Công ty TNHH United International Pharma	Việt Nam	Hộp 1 Chai 60ml	Chai	Nhóm 4	300
10	70	Atussin	Sodium Citrate; Chlorpheniramine; Dextromethorphan	133mg; 1mg; 10mg	893110863224	uống	viên nén		United	Việt Nam	Hộp 25 Vi x 4 Viên	Viên	Nhóm 4	500
11		Trelegly Ellipta	Mỗi liều chưa phóng thích chứa 100mcg fluticasone furoate; 62,5mcg umeclidinium và 25mcg vilanterol	Mỗi liều chưa phóng thích chứa 100mcg fluticasone furoate; 62,5mcg umeclidinium và 25mcg vilanterol	500110439823	Hít qua miệng	Thuốc bột hít phân liều		Glaxo Operations UK Ltd (trading as Glaxo Wellcome Operations)	Anh	Hộp có 1 dụng cụ hít chứa 30 liều hít	Hộp	Nhóm 1	10
THUỐC ĐIỀU TRỊ TIM MẠCH - HUYẾT ÁP														
12	542	Coveram 5mg/5mg	Perindopril arginine 5mg; (tương đương 3,395mg perindopril); Amlodipine(dưới dạng amlodipin besilate) 5mg	5mg; 5mg	VN-18635-15	Uống	Viên	36	Servier Ireland Industries Ltd	Ailen	Hộp 1 lọ x 30 viên	Viên	Nhóm 1	6.000
THUỐC CHỐNG DỊ ỨNG VÀ DÙNG TRONG CÁC TRƯỜNG HỢP QUÁ MẢN														

STT	STT TT20	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	GDCLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Hạn dùng (Tuổi thọ)	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Nhóm thuốc	Số lượng
13	106	Fexihist	Fexofenadin HCl	60mg/5ml x 60ml	890100531524 (VN-19380-15)	Uống	Hỗn dịch uống		Ajanta Pharma Ltd.	Ấn độ	Hộp 1 lọ 60ml	Lọ	Nhóm 5	200
14	106	A.T Fexofenadin	Fexofenadin hydroclorid	6mg/ml x 60ml	893100208100 (VD-29684-18)	Uống	Hỗn dịch	24 tháng	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Hộp	Nhóm 4	500
THUỐC ĐƯỜNG TIÊU HÓA														
15	718	Enterogermina	Bào tử Bacillus clausii kháng đa kháng sinh	2 tỷ bào tử/5 ml	QLSP-0728-13 (có Quyết định gia hạn số đăng ký)	Uống	Hỗn dịch uống		Opella Healthcare Italy S.R.L	Ý	Hộp 02 vi x 10 ống x 05ml	Ống	Nhóm 1	10.000
16	721	Smecta	Diosmectite	3 gam	VN-19485-15	Uống	Bột pha hỗn dịch uống		Beaufour Ipsen Industrie	Pháp	Hộp 10 gói (mỗi gói 3,76g); Hộp 12 gói (mỗi gói 3,76g); Hộp 30 gói (mỗi gói 3,76g)	Gói	Nhóm 1	1.500
17	727	Debby	Nifuroxazid	218 mg/5ml	VD-24652-16	Uống	Hỗn dịch		Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam	Việt Nam	Hộp 1 chai x 30ml	Chai	Nhóm 4	200
18	713	Golistin soda	Monobasic natri phosphat; Dibasic natri phosphat	(417mg + 95mg)/1ml	VD-34931-21	Uống	Dung dịch uống	36 tháng	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Hộp 1 lọ x 45ml	Lọ	Nhóm 4	500
19	713	Golistin-enema	Monobasic natri phosphat +Dibasic natri phosphat	(21,41g +7,89g)/ 133ml	893100265500 (VD-25147-16)	Thụt trực tràng	Dung dịch thụt trực tràng	60 tháng	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Hộp 1 lọ 133ml	Lọ	Nhóm 4	100
20	711	Tranfast	Macrogol 4000; Natri sulfat; Natri bicarbonat; Natri clorid; Kali clorid	64g + 5,7g + 1,680g + 1,460g + 0,750g	893110880824 (VD-33430-19)	Uống	Bột pha dung dịch uống	36 tháng	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Hộp 10 gói	Gói	Nhóm 4	1.000

STT	STT TT20	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	GDKLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Hạn dùng (Tuổi thọ)	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Nhóm thuốc	Số lượng
21	711	Fortrans	Mỗi gói chứa: Macrogol 4000: 64g; Anhydrous sodium sulfate: 5,7	64g + 5,7g + 1,68g + 1,46g + 0,75g	VN-19677-16	Uống	Bột pha dung dịch uống	36 tháng	Mayoly Industrie	Pháp	Hộp 4 gói, Hộp 50 gói	Gói	Nhóm 1	1.000
VITAMIN VÀ KHOÁNG CHẤT														
22		Calcium Corbière Extra	Calcium glubionate + Calcium lactobionate	Mỗi 5ml chứa: Calcium glubionate 1469,30mg; Calcium	893100172125 (VD-34368-20)	Uống	Dung dịch uống		Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam	Việt Nam	Hộp 03 vi x 10 ống x 10ml	Ống	Nhóm 2	2.000
23		Calcium Corbière Extra	Calcium glubionate + Calcium lactobionate	Mỗi 5ml chứa: Calcium glubionate 1469,30mg; Calcium	893100172125 (VD-34368-20)	Uống	Dung dịch uống		Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam	Việt Nam	Hộp 03 vi x 10 ống x 5ml	Ống	Nhóm 2	2.000
24		Calcium Stella 500mg	Calci carbonat+ calci gluconolactat	300mg + 2940mg	893100095424 (SDK cũ: VD-27518-17)	Uống	Viên sủi		Công Ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp 1 tuýp x 20 viên	Viên	Nhóm 2	1.000
25		Duchat	Calci lactat pentahydrat Thiamine hydrochloride Riboflavine sodium phosphate	(66,66mg +0,2mg +0,23 mg +0,40 mg +1mcg +1mg + 1,33mg +0,67 mg +20mg) x 7,5ml	893100414924 (Số ĐK cũ: VD-31620-19)	Uống	Dung dịch uống		Công ty Cổ Phần Dược Phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Hộp 20 ống x 7,5ml	Ống	Nhóm 4	3.000
26	1007	Briozcal	Calci carbonate + Colecalciferol	1,25g + 0,0031mg	930100988724	Uống	Viên nén bao phim	36 tháng	Lipa Pharmaceuticals Ltd	Australia	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên	Nhóm 1	10.000
27	1033	Brivita Vitamin D3	Colecalciferol tương đương Vitamin D3	25mcg (tương đương 1.000 IU)	930110964424	Uống	Viên nang mềm	36 tháng	Lipa Pharmaceuticals Ltd	Australia	Hộp 1 chai 60 viên	Viên	Nhóm 1	6.000
THUỐC CHỐNG RỐI LOẠN TÂM THẦN VÀ THUỐC TÁC ĐỘNG LÊN HỆ THẦN KINH														
28	946	Gikorcen	Ginkgo biloba leaf extract	120mg	VN-22803-21	uống	Viên nang mềm		Korea Core Pharma Co., Ltd.	Hàn Quốc	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên	Nhóm 2	5.000

STT	STT TT20	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	GDKLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Hạn dùng (Tuổi thọ)	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Nhóm thuốc	Số lượng
29	946	GILOBA	Cao ginkgo biloba (Dưới dạng ginkgo biloba phytosome)	40mg	VN-20891-18	uống	Viên nang mềm		Mega Lifesciences Public Company Limited	Thailand	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên	Nhóm 2	4.000
DUNG DỊCH DÙNG NGOÀI														
30	758	Oracortia	Triamcinolon acetonid	0,1g/100g	VD-24653-16	Dùng ngoài	Thuốc mỡ		Công ty TNHH Thái Nakorn Patana Việt Nam	Việt Nam	Hộp 50 túi nhôm 1g	Túi	Nhóm 4	1.000
THUỐC Y HỌC CỔ TRUYỀN														
31		Boganic Forte	Actiso, Rau đắng đất, Bìm bìm	170mg + 128mg + 13,6mg	VD-19791-13	Uống	Viên nang mềm		Công ty CP công nghệ cao Traphaco	Việt Nam	Hộp 10 vi * 10 viên	Viên	Nhóm 1	10.000
32		Hoạt huyết dưỡng não	Đinh lăng, Bạch quả	Cao đặc rễ đinh lăng 5:1 + Cao khô lá bạch quả (Hàm lượng Flavonoid toàn phần ≥24%)	VD-19621-13	Uống	Viên nén bao phim		Công ty CP công nghệ cao Traphaco	Việt Nam	Hộp 5 vi * 20 viên	Viên	Nhóm 2	25.000
NHÓM ĐIỀU CHỈNH NƯỚC, ĐIỆN GIẢI VÀ CÁC DUNG DỊCH TIÊM TRUYỀN KHÁC														
33	997	NATRI CLORID 0,9%	Natri clorid	0,9%, 500ml	893110039623		Dung dịch tiêm truyền		CÔNG TY CỔ PHẦN FRESENIUS KABI VIỆT NAM	Việt Nam	Chai x 500ml	Chai	Nhóm 4	2.000
THUỐC TÁC DỤNG VỚI MÁU														
34	460	BFS- Tranexamic 500mg/10ml	Tranexamic acid	500mg/10ml	893110414824	Tiêm	Dung dịch tiêm		Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Hộp 20 ống x 10ml	Ống	Nhóm 4	1.000
Tổng số: 34 Khoản														

VH